

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04/10/2019

*“V/v: Không công nhận quan hệ
vợ chồng, tranh chấp về nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điều Nhót và ông Bùi Lâm Tới.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Luân – Thẩm tra viên, Toà án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX – ST, ngày 17 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị B, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: T8, xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: T8, xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/7/2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, ý kiến trình bày của bà Vũ Thị B tại phiên toà và bị đơn ông Trần Văn N khai: Bà Vũ Thị B và ông Trần Văn N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 và không có đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn là do không hiểu biết pháp luật. Bà B và ông N sống rất hạnh phúc thời gian đầu nhưng mấy năm gần đây hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng nhau; đã sống ly thân 07 tháng. Quá trình chung sống ông (bà) sinh được 03 người con chung là Trần Đức M, sinh năm 1996; Trần Quốc V, sinh năm 2000 và cháu Trần Hồng Q, sinh ngày 22/8/2002. Hiện nay, cháu M và cháu V đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Q cũng đã lớn nên nguyện vọng của

cháu ở với ai thì tùy cháu Q có ý kiến, bà B và ông N đồng ý với nguyện vọng của cháu. Nay do tình trạng hôn nhân của bà B và ông N ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà B yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn với ông N bằng bản án tuyên bố không công nhận là vợ chồng. Về con chung: Các con chung Trần Đức M, sinh năm 1996; Trần Quốc V, sinh năm 2000 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Trần Hồng Q, sinh ngày 22/8/2002 bà B xin được nuôi cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ: Bà B và ông N không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề cập.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trần Văn N có yêu cầu Toà án giải quyết các mối quan hệ như sau: Về quan hệ hôn nhân: Bà B yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn với ông N bằng bản án tuyên bố không công nhận là vợ chồng thì ông đồng ý. Về con chung: Đồng ý với ý kiến của bà B và nguyện vọng của cháu Q là xin được ở với mẹ. Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị B vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, không có ý kiến gì bổ sung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng theo quy định của pháp luật, hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị B.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Vũ Thị B và ông Trần Văn N là vợ chồng.

- Về con chung: Các con chung Trần Đức M, sinh năm 1996; Trần Quốc V, sinh năm 2000 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Trần Hồng Q, sinh ngày 22/8/2002 cho bà Vũ Thị B trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những yêu cầu kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Vũ Thị B khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn N. Hiện nay ông N đang sinh sống tại T8, xã B, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án Hôn nhân và Gia đình không quy định thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, vụ án được thụ lý và giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cuộc sống thời gian đầu của ông (bà) rất hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trong gia đình. Nhưng thời gian sau này vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà B và ông N đã sống ly thân 07 tháng, bà B đã viết đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án xét xử bằng bản án tuyên bố không công nhận là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên HĐXX xét thấy yêu cầu của bà B là có cơ sở nên cần chấp nhận. Tuy nhiên, bà B và ông N chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng được quy định tại khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hậu quả của việc bà B và ông N chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của luật này thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên được giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Các cháu Trần Đức M, sinh năm 1996; Trần Quốc V, sinh năm 2000 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Xét yêu cầu xin được nuôi con chung của bà B, cũng như nguyện vọng của cháu Q xin được ở với mẹ, HĐXX thấy rằng: Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Q về mọi mặt, cần phải giao cháu Trần Hồng Q, sinh ngày 22/8/2002 cho bà Vũ Thị B trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án có cơ sở và căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Vũ Thị B phải nộp toàn bộ án phí LHST trên, được khấu trừ vào số tiền bà B đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Vũ Thị B và ông Trần Văn N là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Các cháu Trần Đức M, sinh năm 1996; Trần Quốc V, sinh năm 2000 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với cháu Trần Hồng Q, sinh ngày 22/8/2002 giao cho bà Vũ Thị B trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về án phí; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Vũ Thị B phải nộp toàn bộ án phí LHST trên, được khấu trừ vào số tiền bà Vũ Thị B đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai số 0002211 ngày 25/7/2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đăk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà